

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Lê Ngọc Kiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Bạch T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Lê Huy H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh H xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Bạch T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2009. Đến năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2011. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Lê Huy H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung tên Phạm Huy L, sinh ngày 06/4/2012, hiện cháu L đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H có số tiền mặt khoảng 30.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Lê Huy H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh xác định vợ chồng thường xuyên cãi nhau liên quan đến chuyện tiền bạc, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T do anh còn thương chị T. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh đồng ý giao con chung tên Phạm Huy L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H, cho chị T và anh H ly hôn; về con chung: Giao cháu Phạm Huy L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị Bạch T và bị đơn anh Phạm Lê Huy H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị T yêu cầu ly hôn với anh H và hiện nay anh H cư trú tại huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Cho nên, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bạch T và anh Phạm Lê Huy H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2009. Đến năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H với lý do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh H xác định vợ chồng thường xuyên cãi nhau liên quan đến chuyện tiền bạc; không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, anh H không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T do còn thương chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị T và anh H đều xác định vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa chị T và anh H đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị T và anh H xác định có 01 con chung tên Phạm Huy L, sinh ngày 06/4/2012. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu L hiện đang sinh sống ổn định với chị T và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu L có nguyện vọng sống chung với mẹ, anh H cũng đồng ý chị T trực tiếp nuôi con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; **điểm a khoản 1 Điều 24**, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 1 Điều 24**, điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Bạch T đối với anh Phạm Lê Huy H, cho chị Trương Thị Bạch T và anh Phạm Lê Huy H ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huy L, sinh ngày 06/4/2012 cho chị Trương Thị Bạch T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Phạm Lê Huy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị Bạch T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Chị Trương Thị Bạch T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000590 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: HSPA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Duy Khanh